

Bản án số: 03/2024/KDTM-PT
Ngày: 15-01-2024
V/v tranh chấp hợp đồng kinh tế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Quốc Bảo**.

Các Thẩm phán: Ông **Huỳnh Văn Phú**;

Ông **Nguyễn Văn Thọ**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Đạt** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam: Ông **Huỳnh Văn Hảo** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2023/TLPT-KDTM ngày 01 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng kinh tế”.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số: 08/2023/KDTM-ST ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 122/2023/QĐ-PT ngày 12 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần D1.

Địa chỉ: thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: ông Lê Anh B, chức vụ: Tổng Giám đốc. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần T1.

Địa chỉ: Số A đường M, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: ông Lê Quốc T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Thái Quốc V và bà Đoàn Thị Hồng M.

Cùng địa chỉ liên hệ: Số B đường H, quận T, thành phố Đà Nẵng. Ông V vắng mặt, bà M có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần Đ1.

Địa chỉ: Số H đường L, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Xuân Đ, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ C, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

4. Người kháng cáo: bị đơn Công ty Cổ phần T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn trình bày:

Ngày 18/6/2022, Công ty Cổ phần D1 (gọi tắt là Công ty D1) và Công ty Cổ phần T1 (gọi tắt là Công ty T1) đã ký Hợp đồng kinh tế số 67/2022/HĐKT/BĐSVN-KAL về việc cung cấp và vận chuyển đất thuộc dự án đầu tư xây dựng nhà ở Khu dân cư và dịch vụ Cầu Hưng - Lai Nghi (giai đoạn 2) thi công 2 gói thầu 3c, 4c: sang lấp mặt bằng và thi công hệ thống giao thông (nền đường đất K95, kết cấu áo đường, bó vỉa, vỉa hè, thoát nước mưa, thoát nước thải khu vực 3). Sau đó, hai bên tiếp tục ký các Phụ lục hợp đồng số 01, 02, 04/PLHĐ/BĐSVN-KAL. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty D1 thực hiện đúng các nội dung đã thỏa thuận, khối lượng công việc thực hiện được hai bên nghiệm thu, xác nhận và đối chiếu công nợ, Công ty D1 đã xuất hóa đơn cho Công ty T1, sau khi hai bên nghiệm thu sản phẩm, đối chiếu công nợ và xác nhận đến ngày 28/10/2022 Công ty T1 còn nợ khối lượng sản phẩm của Công ty D1 số tiền 1.473.771.500 đồng. Ngày 15/11/2022, Công ty T1, Công ty D1 và Công ty Cổ phần Đ1 (gọi tắt là Công ty Đ1) tiến hành lập biên bản thỏa thuận và cam kết Công ty Đ1 (chủ đầu tư dự án) chịu trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty T1. Ngày 13/01/2023, 03 Công ty tiến hành lập biên bản cân trừ 03 bên; theo đó, Công ty Đ1 chịu trách nhiệm trả nợ cho Công ty D1 tổng số tiền 1.473.771.500 đồng, số nợ này được tính đến ngày 27/10/2022. Sau đó, Công ty Đ1 đã trả cho Công ty D1 số tiền 957.000.000 đồng và hiện nay còn nợ lại 516.771.500 đồng.

Sau ngày 28/10/2022, Công ty D1 tiếp tục vận chuyển đất với số tiền 420.042.000 đồng (đã xuất hóa đơn) và đợt tiếp theo vận chuyển đất số tiền 8.631.000 đồng; như vậy, tổng cộng Công ty D1 cung cấp sản phẩm trị giá thành tiền cho Công ty T1 sau ngày 28/10/2022 số tiền là 428.673.000 đồng.

Sau khi 03 bên thỏa thuận cân nợ, do Công ty Đ1 chưa thanh toán đủ số nợ theo bảo lãnh và còn nợ lại 516.771.500 đồng nên ngày 08/02/2023, Công ty T1 và Công ty D1 tiến hành lập biên bản nghiệm thu và đối chiếu công nợ; theo đó, hai bên xác nhận Công ty T1 còn nợ Công ty D1 tổng cộng 945.444.500 đồng, trong đó: nợ khối lượng phát sinh sau ngày 28/10/2022 là 428.673.000 đồng, nợ bảo lãnh của Công ty Đ1 còn lại chưa trả là 516.771.500 đồng.

Đến ngày 24/4/2023, Công ty T1 đã thanh toán cho Công ty D1 số tiền 95.000.000 đồng, số tiền nợ khối lượng còn lại là 333.673.000 đồng, Công ty D1 nhiều lần yêu cầu nhưng Công ty T1 không trả. Số nợ khối lượng sản phẩm phát sinh sau ngày 28/10/2022 với số tiền 428.673.000 đồng, 03 Công ty chưa tiến hành lập biên bản xác nhận 03 bên để thanh toán và bù trừ công nợ nên việc Công ty T1 không chấp nhận trả nợ mà yêu cầu Công ty D1 trả nợ thay là không đúng.

Nay, Công ty D1 yêu cầu Công ty T1 phải thanh toán số tiền nợ tổng cộng 352.010.200 đồng. Trong đó:

- Nợ khối lượng sản phẩm: 333.673.000 đồng.
- Nợ tiền lãi chậm trả: 18.337.200 đồng (*lãi suất 08%/năm kể từ ngày xuất hóa đơn đến nay và tiếp tục tính lãi phát sinh đến khi thanh toán xong nợ*).

Đối với khoản tiền bồi thường thiệt hại 30.500.000 đồng, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Ngày 18/6/2022, Công ty D1 và Công ty T1 ký Hợp đồng kinh tế số 67/2022/HĐKT/BĐSVN-KAL về việc cung cấp và vận chuyển đất thuộc dự án đầu tư xây dựng nhà ở Khu dân cư và dịch vụ Cầu H - Lai Nghi (*giai đoạn 2*) thi công 02 gói thầu 3c, 4c: sang lấp mặt bằng và thi công hệ thống giao thông (*nền đường đất K95, kết cấu áo đường, bó vỉa, vỉa hè, thoát nước mưa, thoát nước thải khu vực 3*). Sau đó, hai bên tiếp tục ký các Phụ lục số 01, 02, 04/PLHĐ/BĐSVN-KAL.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T1 và Công ty D1 (*là chủ đầu tư công trình*) có ký văn bản số 06/2022/CVKAL ngày 05/11/2022 thỏa thuận với nội dung: Công ty D1 chịu trách nhiệm bảo lãnh thanh toán tiền vận chuyển đất cho Công ty D1 căn cứ vào khối lượng được Công ty T1 xác nhận tại công trường, các bên sẽ làm biên bản xác nhận 03 bên để thanh toán và bù trừ công nợ.

Sau khi thực hiện hợp đồng, hai bên tiến hành nghiệm thu và đối chiếu công nợ, xác nhận đến ngày 28/10/2022, Công ty T1 còn nợ khối lượng của Công ty D1 số tiền 1.473.771.500 đồng. Thực hiện Công văn số 06, ngày 05/11/2022 của Công ty T1 và Công ty D1, ngày 15/11/2022, 03 Công ty tiến hành lập biên bản thỏa thuận và cam kết như sau: Công ty D1 chịu trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty T1 số tiền 1.473.771.500 đồng (*số tiền nợ này tính đến ngày 28/10/2022*) và đến ngày 13/01/2023, 03 Công ty tiến hành lập biên bản cân trừ 03 bên, Công ty D1 chịu trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty T1 số tiền 1.473.771.500 đồng.

Sau khi các bên tiến hành lập biên bản cân trừ 03 bên đối với số nợ 1.473.771.500 đồng thì Công ty D1 tiếp tục cung cấp sản phẩm thêm cho Công ty T1 với giá trị khối lượng sản phẩm trị giá thành tiền là 420.042.000 đồng, đã xuất hóa đơn GTGT, đối chiếu công nợ và tiến hành xác nhận giá trị khối lượng

thanh toán đối với số tiền 420.042.000 đồng. Sau đó, Công ty D1 tiếp tục cung cấp sản phẩm cho Công ty T1 với số tiền 8.631.000 đồng, đã xuất hóa đơn GTGT, đã đối chiếu công nợ và tiến hành xác nhận giá trị khối lượng thanh toán. Công ty T1 xác nhận sau ngày 28/10/2022, Công ty T1 còn nợ khối lượng sản phẩm của Công ty D1 số tiền tổng cộng là 428.673.000 đồng (*số nợ này không nằm trong số tiền nợ được 03 Công ty xác nhận tại biên bản ngày 15/11/2022 và biên bản ngày 13/01/2023*), tuy nhiên số nợ 428.673.000 đồng này chưa tiến hành lập biên bản xác nhận 03 bên để thanh toán và bù trừ công nợ theo Công văn số 06 ngày 05/11/2022.

Đến ngày 24/4/2023, Công ty T1 thanh toán cho Công ty D1 số tiền 95.000.000 đồng, số nợ khối lượng sản phẩm còn lại là 333.673.000 đồng. Công ty T1 xác nhận hiện nay còn nợ của Công ty D1 khối lượng sản phẩm với số tiền tổng cộng 333.673.000 đồng, nhưng Công ty T1 không đồng ý trả, vì số nợ này đã được Công ty Đ1 bảo lãnh trả nợ thay theo văn bản số 06/2022/CVKAL ngày 05/11/2022 và đề nghị Công ty Đ1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo văn bản đã cam kết.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần Đ1 trình bày:

Công ty Đ1 là chủ đầu tư của dự án đầu tư xây dựng nhà ở khu dân cư và dịch vụ Cầu Hưng - Lai Nghi, Công ty T1 là đơn vị thi công công trình, Công ty D1 là đơn vị cung cấp sản phẩm cho Công ty T1. Quá trình thi công công trình, Công ty T1 có nợ của Công ty D1, để thuận tiện cho việc thanh toán nợ giữa 03 bên, Công ty Đ1 và Công ty T1 đã ký văn bản số 06/2022/CVKAL ngày 05/11/2022; theo đó, công nợ sẽ được khấu trừ dần trên cơ sở khối lượng được nghiệm thu tại công trình, các bên sẽ làm biên bản xác nhận 03 bên để thanh toán và bù trừ công nợ.

Thực hiện Công văn số 06 như đã nêu trên, ngày 15/11/2022, đại diện 03 Công ty tiến hành lập biên bản thỏa thuận và cam kết, ngày 13/01/2023, lập biên bản cản trừ 03 bên, theo đó Công ty Đ1 chịu trách nhiệm trả nợ cho Công ty D1 thay cho Công ty T1 với số tiền 1.473.771.500 đồng, các khoản nợ tính đến ngày 27/10/2022. Công ty Đ1 đã thực hiện cam kết và đã trả cho Công ty D1 số tiền 957.000.000 đồng, số tiền nợ còn lại 516.771.500 đồng sẽ khấu trừ khi nào Công ty T1 đầy đủ hồ sơ nghiệm thu thanh toán đợt 3, cung cấp hóa đơn, chứng từ nguồn gốc đất các đợt thanh toán trước và hóa đơn VAT giá trị, khối lượng nghiệm thu hoàn thành đợt 3 với chủ đầu tư và giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của Công ty T1 ký các hồ sơ với Công ty Đ1. Những khoản nợ phát sinh ngoài các biên bản lập ngày 15/11/2022, ngày 13/01/2023 thì Công ty Đ1 không chịu trách nhiệm. Đối với số nợ mà Công ty D1 khởi kiện Công ty T1 chưa được lập biên bản xác nhận 03 bên để cản trừ công nợ thì không liên quan đến Công ty Đ1. Việc Công ty T1 yêu cầu Công ty Đ1 thanh toán số nợ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì Công ty Đ1 không đồng ý.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 08/2023/KDTM-ST ngày 05-9-2023 của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g

khoản 2 Điều 40, Điều 147, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 385, 401, 403 Bộ luật Dân sự, Điều 306 Luật Thương mại, Luật Phí và Lệ phí, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần D1 về việc “Tranh chấp hợp đồng kinh tế”.

Buộc Công ty Cổ phần T1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần D1 số tiền tổng cộng 352.010.200 đồng. Trong đó: nợ khối lượng sản phẩm là 333.673.000 đồng và nợ tiền lãi chậm trả là 18.337.200 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường do Ngân hàng Việt Nam quy định tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án. Đình chỉ xét xử yêu cầu của Công ty Cổ phần D1 về việc bồi thường thiệt hại số tiền 30.500.000. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/9/2023, bị đơn Công ty Cổ phần T1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, không đồng ý thanh toán cho Công ty Cổ phần D1 số tiền tổng cộng là 352.010.200 đồng, vì số tiền này sẽ được Công ty Cổ phần D1 trả thay cho Công ty Cổ phần T1 số 06/2022/CVKAL ngày 05/11/2022 mà hai bên đã ký kết.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Công ty Cổ phần D1 không rút đơn khởi kiện, bị đơn Công ty Cổ phần T1 giữ nguyên kháng cáo đối với một phần bản án sơ thẩm (*không đồng ý thanh toán cho Công ty Cổ phần D1 số tiền*

tổng cộng là 352.010.200 đồng); các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần T1 thì thấy:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty Cổ phần T1 thừa nhận có nợ khối lượng sản phẩm của Công ty Cổ phần Đ1 với số tiền là 333.673.000 đồng, nhưng không chấp nhận trả nợ và cho rằng khoản nợ này Công ty Cổ phần Đ1 đã bảo lãnh trả nợ thay theo Công văn số 06/2022/CVKAL ngày 05/11/2022. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: theo nội dung Công văn số 06/2022/CVKAL ngày 05/11/2022 thì các bên sẽ làm biên bản xác nhận 03 bên để thanh toán và bù trừ công nợ. Tại Biên bản thỏa thuận và cam kết ngày 15/11/2022 và Biên bản cản trừ ba bên ngày 13/01/2023, thể hiện: các bên thỏa thuận Công ty Cổ phần Đ1 chịu trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty Cổ phần T1 số tiền 1.473.771.500 đồng (*số tiền này phát sinh qua 4 đợt cung cấp và vận chuyển đất tính đến ngày 25/8/2022*). Đối với khoản nợ 333.673.000 đồng, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, tất cả các bên đương sự đều thừa nhận khoản nợ này chưa được các bên lập biên bản xác nhận 03 bên để thanh toán và bù trừ công nợ theo nội dung thỏa thuận trong Công văn số 06/2022/CVKAL ngày 05/11/2022 và khoản nợ này nằm ngoài khoản nợ trong Biên bản thỏa thuận và cam kết ngày 15/11/2022 và Biên bản cản trừ ba bên ngày 13/01/2023. Như vậy, việc bị đơn cho rằng khoản nợ 333.673.000 đồng được Công ty Cổ phần Đ1 bảo lãnh trả nợ thay là không có cơ sở. Hiện nay, Công ty Cổ phần Đ1 cũng không chấp nhận trả nợ thay cho Công ty Cổ phần T1, vì cho rằng 03 Công ty chưa tiến hành lập biên bản cản trừ nợ theo nội dung Công văn số 06/2022/CVKAL ngày 5/11/2022. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Công ty Cổ phần T1 phải có nghĩa vụ trả nợ khối lượng sản phẩm cho nguyên đơn với số tiền 333.673.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Đối với số tiền lãi chậm trả: tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chấp nhận số tiền lãi 18.337.200 đồng theo như quyết định của bản án sơ thẩm (*nhưng không rút kháng cáo*). Xét thấy, bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ 333.673.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn Công ty Cổ phần T1 trả cho nguyên đơn số tiền lãi chậm trả 18.337.200 đồng là có căn cứ.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Công ty Cổ phần T1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho nội dung kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo như đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn Công ty Cổ phần T1 phải chịu số tiền 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[4] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần T1, giữ nguyên Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số: 08/2023/KDTM-ST ngày 05-9-2023 của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 38, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 385, 401, 403 của Bộ luật Dân sự; Điều 306 của Luật Thương mại; khoản 2 Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần D1 về việc “Tranh chấp hợp đồng kinh tế”.

Buộc Công ty Cổ phần T1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần D1 số tiền tổng cộng là 352.010.200 (*Ba trăm năm mươi hai triệu, không trăm mười nghìn, hai trăm*) đồng. Trong đó, nợ khối lượng sản phẩm: 333.673.000 đồng và tiền lãi chậm trả: 18.337.200 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại.

Án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần T1 phải chịu số tiền 17.600.500 (*Mười bảy triệu, sáu trăm nghìn, năm trăm*) đồng. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần D1 số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 10.351.000 (*Mười triệu, ba trăm năm mươi một nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000044 ngày 12/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Công ty Cổ phần T1 phải chịu 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm Công ty Cổ phần T1 đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000327 ngày 29/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (15/01/2024).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND thị xã Điện Bàn;
- Chi cục THADS thị xã Điện Bàn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Phạm Quốc Bảo**